

ĐẶC ĐIỂM ĐÔ THỊ HÓA Ở HẢI PHÒNG

Vũ Thị Kim Cúc

Khoa Ngữ Văn và Khoa học xã hội, Trường Đại học Hải Phòng

Email: cucvtk@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/3/2023

Ngày PB đánh giá: 26/4/2023

Ngày duyệt đăng: 05/5/2023

TÓM TẮT: Cùng với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH - HĐH), đô thị hóa (ĐTH) được xem như một khía cạnh vận động đi lên của xã hội. Quá trình ĐTH ở Hải Phòng đang diễn ra mạnh mẽ cùng CNH - HĐH, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo chiều hướng tích cực. Số lượng dân thành thị, số lượng lao động đô thị tăng lên và diện tích đô thị không ngừng mở rộng. Kéo theo đó là sự thay đổi hệ thống cơ sở kinh tế và cơ sở hạ tầng đô thị. Bài báo đề cập đến các đặc điểm đô thị hoá ở Hải Phòng hiện nay như: sự gia tăng dân thành thị, tỷ lệ dân thành thị, lao động đô thị, diện tích đô thị, sự phát triển hệ thống kinh tế đô thị (cảng biển, các ngành dịch vụ...), hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị (giao thông đô thị, hệ thống cung cấp điện, nước đô thị...). Một số vấn đề liên quan khác như tổng quan các nghiên cứu, cơ sở lí thuyết về đô thị hoá, phương pháp nghiên cứu cũng được trình bày.

Từ khoá: đô thị hoá, dân thành thị, kinh tế đô thị, giao thông đô thị, thành phố Hải Phòng.

CHARACTERISTICS OF URBANIZATION IN HAI PHONG

ABSTRACT: Along with the process of industrialization - modernization (CNH - HĐH), urbanization (DTH) is considered an aspect of upward movement of society. The process of urbanization in Hai Phong is taking place strongly along with industrialization and modernization, contributing to promoting the positive economic development. The number of urban residents and urban workers is increasing and the urban area is constantly expanding, entailing a change in the economic system and urban infrastructure. The article mentions the characteristics of urbanization in Hai Phong today such as: the increase in urban population, urban population ratio, urban labor, urban area, and development of the urban economic system. (seaports, service industries...), urban infrastructure systems (urban transportation, urban electricity

and water supply systems...). Some other related issues such as overview of research, theoretical basis of urbanization, and research methods are also presented.

Keywords: urbanization, urban population, urban economy, urban traffic, Hai Phong city

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hải Phòng là thành phố cảng, trung tâm công nghiệp, là 1 trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương... đang được đô thị hóa một cách mạnh mẽ. Năm 2020, số dân thành thị của Hải Phòng là 932.547 người, chiếm 45,4% dân số toàn Thành phố, cao hơn so với trung bình cả nước (35,8%) nhưng thấp hơn so với tất cả các thành phố trực thuộc Trung ương còn lại [8][9]. Cùng với sự tăng lên của tỉ lệ dân thành thị là hàng loạt các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, các công trình cơ sở hạ tầng đô thị được hình thành và phát triển. Nhân diện đặc điểm đô thị hóa ở Hải Phòng có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở để đánh giá tác động của nó đến sự phát triển kinh tế xã hội, nhất là quá trình CNH-HĐH của Thành phố.

II. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu về đô thị hoá

a. Cơ sở lý thuyết về đô thị hoá

* *Khái niệm:* Đô thị hóa là sự phát triển hệ thống thành phố và nâng cao vai trò của nó trong đời sống kinh tế - xã hội cũng như tỉ trọng của dân số đô thị. Đô thị hóa là sự tập trung dân cư trong các thành phố lớn và cực lớn có sự phổ biến rộng rãi lối sống thành thị trong toàn bộ mạng lưới các điểm dân cư [12]. Đô thị

hóa thường bắt đầu ở các nước kém phát triển, phát triển mạnh ở các nước đang phát triển và ở các nước phát triển quá trình đô thị hóa sẽ kết thúc khi dân thành thị đạt đến 100%.

* *Đặc trưng của đô thị hóa*

Số dân đô thị không ngừng gia tăng cùng với sự phát triển kinh tế và gia tăng dân số. Hiện nay, tỷ lệ dân số thành thị của thế giới đã đạt 56,2%, và có hơn 1/3 tổng số nước và vùng lãnh thổ trên thế giới có trên 3/4 dân số ở thành thị, đặc biệt có 10 nước và vùng lãnh thổ đạt 100%[11][12].

Sự tập trung dân cư vào các thành phố lớn nơi có các yếu tố kinh tế - xã hội thuận lợi cho cuộc sống của dân thành thị. Hiện thế giới có 37 siêu đô thị có số dân 10 triệu dân trở lên và con số này sẽ tiếp tục tăng thêm trong thời gian tới [2].

Lãnh thổ đô thị không ngừng mở rộng, tăng nhanh hơn cả dân số. Trên thế giới, các thành phố chiếm khoảng 3 triệu km², nghĩa là 2% diện tích lục địa. Ở châu Âu và Hoa Kỳ, thành phố chiếm 5% diện tích lãnh thổ [2][12].

Lối sống thành thị ngày càng được phổ biến và có ảnh hưởng tới lối sống dân cư nông thôn phản ánh ở chỗ tỉ lệ đồng áng trong cơ cấu công việc của họ nói chung giảm xuống, tỉ lệ công

việc phi nông nghiệp tăng lên rõ rệt, hoặc gia tăng số lượng dân cư nông thôn làm việc hàng ngày tại các thành phố mà không chuyển cư.

b. Tổng quan các công trình nghiên cứu về đô thị hoá

Ở nước ngoài, dân số và các vấn đề liên quan đến dân số, như đô thị hóa - đều là những vấn đề mà quốc tế quan tâm, đặc biệt là các cơ quan, tổ chức của Liên hiệp quốc (UNESCO, UNDP, WB, ADB...). Các cơ quan, tổ chức này đã có nhiều nghiên cứu về đô thị hoá. Trong đó, những khía cạnh đô thị hóa được quan tâm nhiều là: sự gia tăng số dân đô thị, sự tập trung dân thành thị vào các đô thị lớn và cực lớn, sự mở rộng không gian đô thị, kiến trúc đô thị và cả những ảnh hưởng nhiều mặt của đô thị hóa đến đời sống kinh tế - xã hội và môi trường tài nguyên ở các lãnh thổ khác nhau trên thế giới.

Ở Việt Nam, nhiều khía cạnh khác nhau của đô thị hóa được quan tâm. Về phân tích mối quan hệ giữa nông thôn và đô thị thông qua dòng di cư tự phát từ nông thôn đến các đô thị lớn ở Việt Nam có các tác phẩm từ Đào Hoàng Tuấn; về thực trạng đô thị hóa ở Việt Nam, những vấn đề thách thức hiện đang đối mặt có Trần Thị Lan Anh,..

Ở Hải Phòng cũng có 1 số tác giả là các kiến trúc sư, người nghiên cứu viết về quy hoạch đô thị, một số vấn đề về đô thị hóa ở Hải Phòng như tác giả Nguyễn Quốc Thái, Vũ Thị Chuyên,... Tuy nhiên, các nghiên cứu phân lớn mang tính lí

luận, nghiên cứu lí luận sau khi đã có thực tiễn xảy ra do đó ít nắm bắt được tính qui luật cũng như tính dự báo[3].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát thực địa được sử dụng để thu thập tài liệu, điều tra, quan sát và kiểm chứng quy luật thu hút các dòng chuyển cư từ nông thôn vào thành thị, từ các địa phương lân cận vào đô thị Hải Phòng.

Phương pháp thu thập và xử lí số liệu sử dụng để chọn lọc thông tin, số liệu đáng tin cậy và đảm bảo được sự đồng bộ. Một số kết quả phân tích, tổng hợp đã được tác giả kế thừa và sử dụng làm nguồn thông tin đầu vào để xử lí, phân tích trong mối quan hệ đa chiều và bổ sung vào cơ sở dữ liệu Excel.

Phương pháp thống kê toán học để xử lí các nguồn dữ liệu thống kê về các kết quả nghiên cứu được kế thừa là những thông tin cơ sở quan trọng cho việc thực hiện đề tài. Các nguồn dữ liệu thống kê từ các tài liệu, báo cáo, niên giám thống kê của cả nước, thành phố Hải Phòng qua các năm.

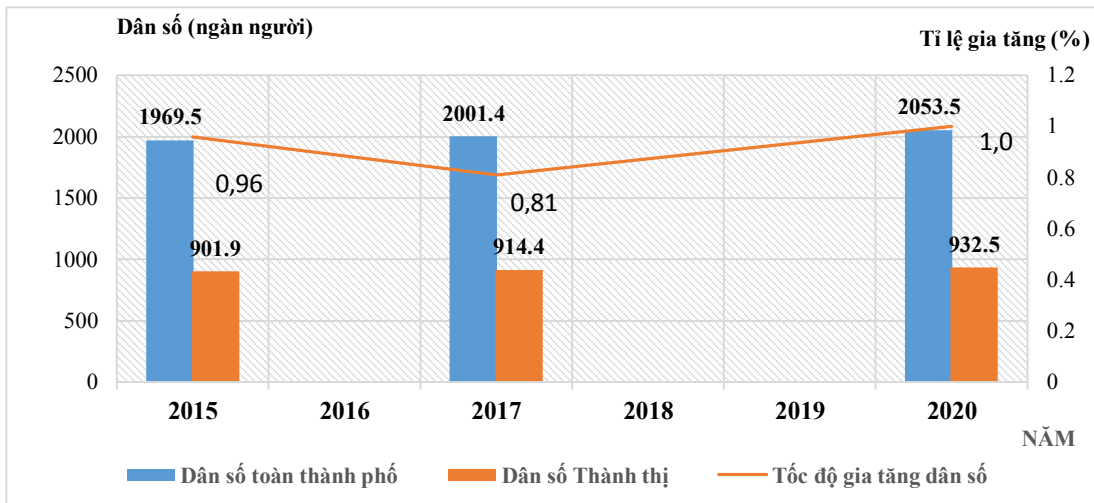
Phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp giúp xử lí các thông tin đã thu thập được cho phù hợp với thực tế khách quan. Sau đó các thông tin có được từ các nguồn tài liệu khác nhau được phân tích, tổng hợp, đối chiếu để biến chúng thành cơ sở cho những nhận định hoặc kết luận của vấn đề nghiên cứu. So sánh kết các kết quả đã xử lí để tìm ra những nhận định cần thiết của đề tài.

Phương pháp bản đồ, biểu đồ là phương pháp đặc trưng được sử dụng phổ biến trong địa lí, các nghiên cứu địa lý được khởi đầu bằng bản đồ và kết thúc cũng bằng bản đồ. Trên cơ sở các số liệu thu thập được, tác giả sẽ vẽ một số biểu đồ thể hiện đặc điểm đô thị hóa và ảnh hưởng của nó với kinh tế - xã hội và môi trường tài nguyên của Thành phố. [4]

2.3. Đặc điểm đô thị hoá ở Hải Phòng

a. Dân số đô thị

Tổng số dân của Hải Phòng năm 2020 là 2.053,5 ngàn người, đứng thứ 7 trong số 63 tỉnh, thành phố của cả nước, đứng thứ 3 trong số 5 đô thị trực thuộc Trung ương [11].



Hình 1. Dân số và dân số đô thị Hải Phòng, giai đoạn 2015 - 2020 [10]

Số dân thành thị của thành phố Hải Phòng năm 2020 là 932,5 nghìn người, tăng thêm 30,6 nghìn người so với năm 2015 và là đô thị có số dân thành thị nhỏ nhất trong số các thành phố trực thuộc trung ương của nước ta hiện nay.

Từ 2015 đến 2020, trung bình mỗi năm dân thành thị tăng 0,7%, tương ứng tăng 6,12 nghìn người, thấp hơn rất nhiều so với tốc độ tăng dân thành thị trung bình cả nước (3%) và chỉ cao hơn một chút so với Cần Thơ (0,5%), còn thấp hơn rất nhiều so với các thành phố trực thuộc Trung ương

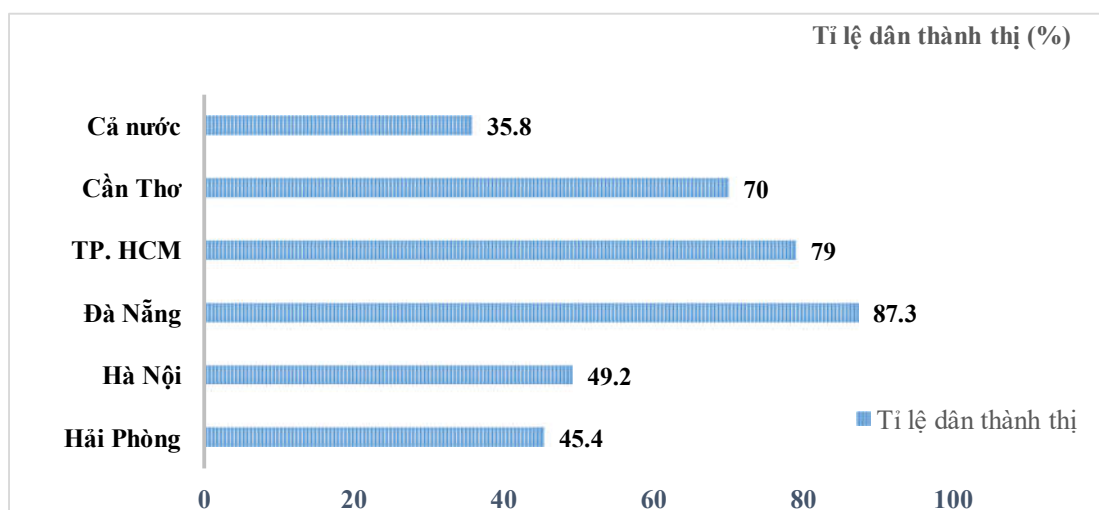
khác như TP. Hồ Chí Minh (1,6%), Đà Nẵng (2,1%), Hà Nội (2,2%)[10][11], chứng tỏ rằng các đô thị này có sức hấp dẫn lớn các dòng chuyển cư bởi cơ hội về việc làm, thu nhập, môi trường sống tốt, nhiều ưu đãi...hơn so với Hải Phòng.

Tỷ lệ dân thành thị của Hải Phòng từ 2015 đến 2020 gần như không thay đổi, thậm chí giảm còn 45,4% (2020) so với 45,8% (2015), do qui mô dân thành thị tăng chậm (0,7%/năm) và thấp hơn so với tốc độ tăng dân số nông thôn (1%/năm)[10].

Bảng 1. Dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị Hải Phòng so với một số thành phố trực thuộc Trung ương, giai đoạn 2015 - 2020

Địa phương	2015		2020		Biến động 2020/2015	
	Dân thành thị (nghìn người)	Tỷ lệ (%)	Dân thành thị (nghìn người)	Tỷ lệ (%)	nghìn người/năm	%/năm
Cả nước	30.881,9	33,5	35.867,2	35,8	997,1	3,0
Hải Phòng	901,9	45,8	932,5	45,4	6,1	0,7
Hà Nội	3.650,5	49,1	4.061,1	49,2	82,1	2,2
Đà Nẵng	919,4	87,0	1.020,4	87,3	20,2	2,1
TP. HCM	6.727,6	81,0	7.290,9	79,0	112,7	1,6
Cần Thơ	1.208,5	68,2	1.240,7	70,0	6,4	0,5

[Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống Kê[11]]



Hình 2. Tỷ lệ dân thành thị Hải Phòng so với cả nước và một số thành phố trực thuộc TW năm 2020 [11]

Năm 2020, tỷ lệ dân thành thị của Hải Phòng đạt 45,4%, giảm 0,4% so với năm 2015, tuy cao hơn so với trung bình cả nước (35,8%), nhưng lại thấp hơn tất cả các thành phố trực thuộc Trung ương khác, như Hà Nội (49,2%), Cần Thơ

(70%), TP. Hồ Chí Minh (79%) và Đà Nẵng (87,3%)[11]. Tỷ lệ dân thành thị thấp cho thấy, toàn thành phố Hải Phòng nói chung, đô thị Hải Phòng nói riêng, chưa phát huy được vai trò, lợi thế của mình trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, tạo nên sức hấp dẫn dân cư. Điều này cũng có thể trở thành trở lực đối với quá trình CNH - HĐH của thành phố khi mà nguồn nhân lực đang ngày một trở nên khan hiếm,...

Số dân thành thị của thành phố Hải Phòng tập trung chủ yếu ở các quận nội thành (91%), trong đó, đô thị cũ chiếm 51,8% dân thành thị của toàn thành phố (quận Hồng Bàng chiếm 10,3%, quận Ngô Quyền chiếm 17,8% và quận Lê Chân chiếm 23,7% dân thành thị toàn thành phố). Các đô thị thành lập sau như Kiến An, Hải An, Đồ Sơn và Dương Kinh chỉ

chiếm 39%, còn các thị trấn chiếm 9% dân thành thị toàn Thành phố [11].

b. Lao động đô thị

Năm 2020 toàn Thành phố có 1.054.805 lao động hoạt động kinh tế, chiếm 51,4% dân số và 97,9% lực lượng lao động. Trong đó, lao động đô thị là 424.128 người, chiếm 96,6% tổng số người trong độ tuổi lao động, chiếm 45,5% dân số đô thị và 40,7% lực lượng lao động đang hoạt động toàn thành phố. Lao động đô thị đông cung cấp nguồn nhân lực lớn để phát triển kinh tế đô thị với giá rẻ, đồng thời còn tạo ra thị trường tiêu thụ lớn với các nhu cầu đặc biệt. Nguồn lao động đô thị thường được bổ sung bởi các dòng người di cư từ nông thôn của Hải Phòng và mỗi năm tiếp nhận khoảng 250 đến 300 ngàn lao động đến từ các tỉnh thành khác.

Bảng 2. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2015 - 2020 [10]

NĂM	Tổng số lao động		Thành phố		Nông thôn	
	người	% DS	người	% DS	người	% DS
2015	1.108.333	56,3	457.136	50,7	651.197	61,0
2018	1.103.155	54,7	468.222	50,9	634.933	57,9
2020	1.054.805	51,4	424.128	45,5	630.677	56,3
Biến động 2020/2015	người/năm	-8.921	-5.501		-3.420	
	%/năm	- 0,8	-1,2		- 0,5	

Tuy nhiên vài năm gần đây số lượng lao động thành thị đang giảm dần xuống, từ 50,7% (2015), 50,5% (2016), 50,8% (2018) và 45,5% vào năm 2020, trung bình mỗi năm giảm 1,2% tương ứng giảm

5.501 người/năm [10]. Sự sụt giảm số lượng lao động đô thị sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc mở rộng qui mô sản xuất các ngành kinh tế đô thị và quá trình CNH - HĐH của Thành phố.

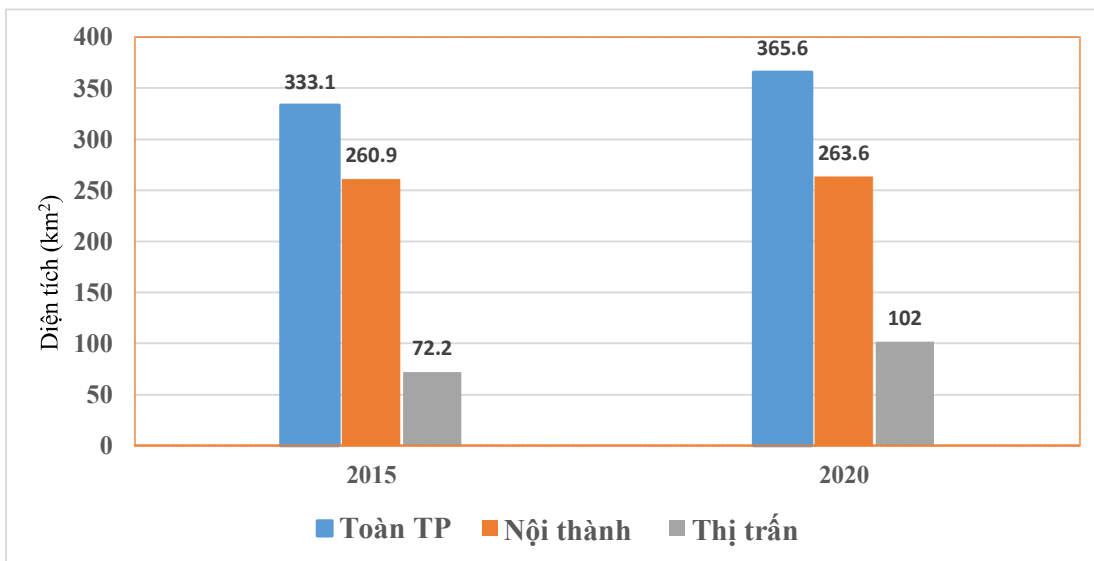
Một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên được chỉ ra như: dân số thành phố đã bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa; đời sống người dân được nâng lên do đó nhu cầu tìm việc làm để nâng cao thu nhập của lao động ngoài độ tuổi lao động cũng giảm; tỷ suất di cư thuần của Thành phố còn thấp và do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19... Điều này đang cho thấy dân số đô thị đang già đi, mức nhập cư đô thị cũng hạn chế và đang gây nên những trở ngại nhất định cho mở rộng sản xuất ở khu vực đô thị.

Sự dịch chuyển nguồn lao động giữa thành thị và nông thôn đã làm thay đổi căn bản cơ cấu sử dụng lao động theo

ngành trên địa bàn toàn thành phố. Khu vực I năng suất thấp, tỷ trọng liên tục giảm và chiếm tỷ trọng không đáng kể (0,45%) để chuyển sang khu vực II (51,3%) và III (48,25%) [10] là những khu vực có hiệu quả cao, đồng thời giúp thành phố thực hiện thành công chức năng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch của cả nước và dải duyên hải Bắc Bộ.

c. Diện tích đô thị

Diện tích đô thị có xu hướng ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của cả nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng.



Hình 3. Diện tích đô thị Hải Phòng, giai đoạn 2015- 2020 [10][13]

Quy mô diện tích đất đô thị của toàn Thành phố từ năm 2015 đến năm 2020 tăng từ 333,1 ha lên 365,5 ha, mỗi năm tăng 1,9%/năm, tương ứng tăng 6,5 km²/năm. Trong đó, diện tích đất đô thị ở các thị trấn tăng nhanh hơn, đạt 7,2%/năm, tương ứng

tăng 5,96 km²/năm. Như vậy, tốc độ tăng diện tích đô thị nhanh hơn khá nhiều so với tốc độ tăng số dân thành thị. Điều này cho thấy tốc độ đô thị hóa ở Hải Phòng mấy năm gần đây tăng trưởng nhanh và phát triển theo chiều sâu.

d. Hệ thống cơ sở kinh tế và cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở kinh tế đô thị

+) Hệ thống cảng biển

Đây chính là 1 trong những yếu tố tạo nên *đặc trưng* của đô thị Hải Phòng - đô thị cảng biển. Hải Phòng là một trong số những cảng quan trọng nhất của cả nước và là cảng có quan hệ với nhiều nước trên thế giới. Sản lượng hàng hóa thông qua ngày càng tăng. Năm 2015 hàng hóa thông qua cảng mới đạt gần 31,1 triệu tấn, năm 2018 đã lên tới gần

36,7 triệu tấn và năm 2020 đạt trên 38,9 triệu tấn. Cảng Hải Phòng là đầu mối, cửa ngõ giao lưu hàng hóa với đồng bằng Bắc Bộ [10][14].

+) Hệ thống cơ sở doanh nghiệp

Hải Phòng tích cực đẩy mạnh phát triển hệ thống các doanh nghiệp, năm 2020 toàn thành phố có khoảng 16.012 doanh nghiệp tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015 [10]. Tác động của đô thị hóa làm cho số lượng các doanh nghiệp tăng nhanh và sự phân bố không đồng đều giữa các khu vực nội và ngoại thành.

Bảng 3. Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2015 - 2020

Các khu vực	2015	2020		
		Cơ sở	Cơ cấu (%)	Mật độ (cơ sở/km ²)
- Toàn thành	9.791	16.012	100	10,3
- Nội thành	7.749	11.866	74	44,9
- Ngoại thành	2.042	4.156	26	3,2
Vùng đô thị cũ	5.983	8.256	51,6	219,0
Vùng đô thị mới	1.766	3.610	22,4	7,8
Vùng ven đô	1711	3.399	21,3	5,7
Vùng xa đô thị trung tâm	331	757	4,7	1,1

Nguồn[12]

Hiện nay trên địa bàn Thành phố có 12 khu công nghiệp được phân bố trên địa bàn các quận và ở các huyện ven đô như An Dương, Thủy Nguyên[5].

Thành phố đang có 5 cụm công nghiệp đã được xây dựng và đi vào hoạt động với tổng diện tích là 183,31ha với

tổng số vốn 300 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy là 94,06%, thu hút được 80 doanh nghiệp tham gia cùng số vốn là 4507,83 tỷ đồng. Các cụm công nghiệp này được phân bố cả ở khu vực nội thành lẫn khu vực nông thôn: Quán Trữ (Kiến An), Vĩnh Niệm (Lê Chân), Tân Liên (Vĩnh Bảo), An Lão

và tàu thủy An Hồng (An Dương) đã tạo ra việc làm cho 14.457 lao động.[5]

+) *Hệ thống cơ sở dịch vụ thương mại*

Số lượng trung tâm thương mại, siêu thị của Thành phố tăng từ 33 năm 2015 lên 36 năm 2020, trong đó tiêu biểu là các siêu thị quy mô lớn, vừa và nhỏ, như Big C, Metro, Catbiplaza, và gần đây là Aeon Mall và Aeon supermarket có qui mô lớn hàng đầu Việt nam cũng đã được xây dựng và đi vào hoạt động; ngoài ra, trên toàn thành phố còn có 156 chợ các loại ...đáp ứng nhu cầu người dân thành thị, kích thích sản xuất hàng hóa với các ngành kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân [10].

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Kết cấu đô thị thay đổi theo hướng hiện đại hóa đô thị. Hải Phòng là thành phố đi đầu trong việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đây vừa là tiêu chí vừa là nguồn lực quan trọng trong quá trình CNH - HĐH, đô thị hóa thành phố Hải Phòng.

+) *Giao thông đô thị*

Thành phố Hải Phòng có khoảng 600 tuyến phố, nằm trong 7 quận, với tổng cộng 324 km đường đô thị; ngoài ra còn có hàng chục tuyến đường liên tỉnh, liên huyện, cùng khoảng 50 cây cầu, trong đó khu vực nội thành có 17 cây cầu nối đô thị trung tâm với vùng nông thôn; các quốc lộ 5, quốc lộ 10, quốc lộ 37 và các tuyến đường cao tốc nối với các tỉnh

thành khác; còn có 417 km đường sông; có sân bay Cát Bi có thể tiếp nhận 8.000 lượt khách/ngày, tương ứng 2 triệu lượt khách/năm với 16 lượt cất, hạ cánh trong ngày. Hiện Cát Bi đã thiết lập được 10 tuyến bay nội địa và 4 tuyến quốc tế (Seoul, Bangkok, Côn Minh, Thâm Quyển), hiện đang duy trì một tuyến quốc tế (Hải Phòng - Seoul). [15]

+) *Hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông*

Ở Hải Phòng, 100% xã, phường, thị trấn có internet băng rộng, được phủ sóng mạng thông tin di động, tỷ lệ người dân sử dụng internet đạt trên 60%. Hạ tầng công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư và có bước phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, 100% các quận, huyện, sở, ngành có mạng nội bộ, 90% sở, ngành, quận, huyện đã đưa vào sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và phần mềm điều hành trên môi trường mạng [1].

+) *Hệ thống cung cấp điện*

Những năm gần đây, với sự giúp đỡ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC), lưới điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, đảm bảo cung ứng đủ điện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân thành phố với mức phụ tải tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10-12%.[6][16]

+) Hệ thống cung cấp nước

Hải Phòng hiện có 8 nhà máy xử lý nước ở Hải Phòng với tổng công suất là 380.000 m³/ngày có thể phục vụ các loại nhu cầu của nhân dân Thành phố và các hoạt động kinh tế với chất lượng nước đạt tiêu chuẩn WHO. Hơn nữa, ở mỗi huyện nông thôn, có các nhà máy xử lý nước nhỏ đáp ứng mọi nhu cầu của địa phương. Nguồn nước sinh hoạt được lấy từ các sông Rế, sông Đa Độ, sông Giá và khai thác nước ngầm[16].

+) Hệ thống thoát nước

Nhiều năm qua Hải Phòng đã triển khai được một số dự án cải tạo thoát nước, hiện nay đã rửa thông được 130km/528km hệ thống tiêu thoát nước trong nội thành. Cải tạo khoảng 9.000/25.039 hố ga; cải tạo 6,2km/51,9km mương thoát nước; 4/10 hồ điều hòa; 3/13 cống ngăn triều. Dự án thoát nước 1B đã góp phần cải thiện hệ thống thoát nước của thành phố nhưng cũng chỉ đáp ứng được 1/3 công trình chung [7]. Tuy nhiên, do hệ thống thoát nước chưa thực sự được đồng bộ đã dẫn tới tình trạng gia tăng các dòng chảy mặt trong đô thị và nước không có nơi để chứa.

III. KẾT LUẬN

Quá trình đô thị hóa ở Hải Phòng diễn ra phù hợp với quá trình CNH - HĐH của Thành phố. Cùng với sự thay đổi số dân thành thị, tỷ lệ dân thành thị và lực lượng lao động đô thị là hệ thống cơ sở kinh tế, cơ sở hạ tầng... của

Thành phố cũng phát triển. Sự phát triển phù hợp giữa số dân thành thị với các chỉ tiêu về mặt kinh tế của quá trình đô thị hóa đã và đang phát huy vai trò tích cực của đô thị hóa, đồng thời cũng sẽ giúp Hải Phòng kiểm soát được những mặt trái mà đô thị hóa có thể gây ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thông tin và truyền thông - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (2023), *Hải phòng chú trọng phát triển mạng viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin*, <https://abei.gov.vn/vn/hai-phong-chu-trong-phat-trien-mang-vien-thong-va-ung-dung-cong-nghe-thong-tin/107183>

2. Bộ xây dựng (23/3/2021), *Siêu đô thị - Lợi ích và thách thức*, <https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/66697/sieu-do-thi-loi-ich-va-thach-thuc.aspx>

3. Vũ Thị Chuyên (2009), *Phân tích quá trình đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng, thời kì 1987 - 2007*, Luận án tiến sĩ, Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

4. Vũ Thị Kim Cúc (2012), *Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở thành phố Hải Phòng*, LATS, TP. Hồ Chí Minh.

5. Ngô Qung Dũng (9/3/2023), *Hải Phòng tập trung xây dựng các khu công nghiệp*, <https://nhandan.vn>

6. Vũ Duyên (13/10/2022), *Hiện đại hoá lưới điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố*, <http://anhp.vn>

7. Cổng thông tin điện tử Hải Phòng, *Hải Phòng: Vì sao hệ thống thoát nước chưa đồng bộ?*, <https://thanhphohaiphong.gov.vn/hai-phong-vi-sao-he-thong-thoat-nuoc-chua-dong-bo.html> (05/2019)

8. Lê Thông (Cb) (2012), *Địa lí KTXH Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (cb)(2015), *Việt Nam - đất nước, con người*, NXB Văn Hoá, Hà Nội.
10. Tổng cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng năm 2020*, Hà Nội.
11. Tổng cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020*, NXB Thống kê, Hà Nội.
12. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) (2015), *Địa lí kinh tế - xã hội đại cương*, NXB ĐHSPT Hà Nội, Hà Nội.
13. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2022), *Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng từ 2021 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hải Phòng.
14. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (các năm), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
15. Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng, (22/9/2017), *Hệ thống giao thông đô thị*, <https://haiphongdpi.gov.vn>
16. Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng (22/9/2017), *Hệ thống điện và nước*, <https://haiphongdpi.gov.vn>